

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HƯNG YÊN**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP**

TRANG ĐIỂM THẨM MỸ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 689 /QĐ-CĐCNHY ngày 27/ 11 /2023
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên)*

Hưng Yên – 2023

MỤC LỤC

| STT | Nội dung | Trang |
|------------|-------------------------|--------------|
| MH 01 | Vệ sinh-an toàn dịch tễ | 8 |
| MĐ02 | Makeup cơ bản | 15 |
| MĐ03 | Makeup nâng cao | 26 |
| MĐ 04 | Tóc và mi | 36 |
| MĐ 05 | Thực tập tốt nghiệp | 44 |

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 689 /QĐ-CĐCNHY ngày 27/ 11 /2023
của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên)

Tên ngành, nghề: Trang điểm thẩm mỹ

Trình độ đào tạo: sơ cấp

Hình thức đào tạo: Thường xuyên

Đối tượng tuyển sinh: Có sức khỏe, trình độ học vấn phù hợp với nghề cần học

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Chứng chỉ sơ cấp

I. Giới thiệu chung về ngành, nghề:

Nghề trang điểm còn được gọi bằng cái tên khác là nghề makeup. Đây là một trong những nghề thiên về làm đẹp nhưng chỉ chú trọng vào gương mặt. Sử dụng các loại mỹ phẩm, mỹ cụ khác nhau, kết hợp với kiến thức về nguyên tắc phối màu, quy tắc hình khối, gu thẩm mỹ cá nhân... tác động lên các bộ phận như mắt, má, môi, lông mày, da... để tạo nên một diện mạo mới, hoàn thiện hơn theo đúng ý khách hàng, ta gọi đó là trang điểm. Mục tiêu chính của nghề makeup là giúp thay đổi diện mạo, che bớt khuyết điểm, tôn lên vẻ đẹp của người được trang điểm mà không phá vỡ cấu trúc, chức năng các bộ phận trên gương mặt, không sử dụng dao kéo... Một khuôn mặt được trang điểm chỉnh chu, phù hợp với bối cảnh sẽ giúp người được trang điểm trở nên tự tin và có sức hút hơn trong mắt người xung quanh, từ đó cải thiện nhiều khía cạnh khác trong cuộc sống. Cụ thể, trang điểm được ứng dụng vào rất nhiều dịp giao tiếp xã hội như dạo phố, hẹn hò, chụp ảnh thời trang, tham gia sự kiện, đi làm, trở thành cô dâu/phù dâu/bưng quả... Mỗi dịp sẽ có phong cách trang điểm khác nhau tùy theo độ tuổi khách hàng, mức độ trang trọng của sự kiện... Trong một số trường hợp, trang điểm còn dùng để che các công đoạn làm đẹp tổng thể (tính cả làm tóc), ví dụ như trang điểm cô dâu.

II. Mục tiêu

1 Kiến thức

- Nhận thức được vai trò đạo đức của người kỹ thuật viên trang điểm thẩm mỹ;

- Hiểu được đạo đức, tác phong chuyên nghiệp của kỹ thuật viên trang điểm thẩm mỹ;

- Hiểu được kiến thức trang điểm theo dạng khuôn mặt; trang điểm cơ bản; trang điểm nâng cao;

- Mô tả được quá trình chỉnh sửa khuyết điểm theo dạng khuôn mặt;

- Nhận dạng được những khiếm khuyết trên khuôn mặt;

- Phân tích được loại da, dạng khuôn mặt trước khi trang điểm

2. Kỹ năng

- Lựa chọn được các màu mắt phù hợp với làn da, áo quần, hoàn cảnh buổi tiệc;

- Thao tác kỹ năng vẽ chân mày thành thạo;

- Thực hiện thành thạo kỹ năng trang điểm nền, mắt, môi;

- Thực hiện thành thạo các thao tác kỹ năng chăm sóc da trước và sau khi trang điểm;

- Thực hiện thành thạo trang điểm dạng khuôn mặt, chỉnh sửa khuyết điểm, trang điểm các dạng mắt, trang điểm cơ bản, trang điểm lễ cưới;

- Thực hiện công tác an toàn và vệ sinh trong quá trình chăm sóc khách hàng.

3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Cẩn thận, tỉ mỉ, thao tác nhanh khi thực hiện các kỹ năng;

- Rèn luyện kỹ năng đứng trang điểm chuyên nghiệp đảm bảo chất lượng và hiệu quả;

- Không ngừng học tập nâng cao trình độ để đáp ứng với yêu cầu của nghề trang điểm thẩm mỹ;

- Yêu ngành, yêu nghề, thái độ học tập tích cực, rèn luyện nỗ lực.

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chuyên viên trang điểm cho các Trung tâm áo cưới;

- Thành lập Trung tâm dạy nghề trang điểm thẩm mỹ;
- Làm chủ Beautysalon làm đẹp;
- Làm chủ các salon áo cưới.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề trang điểm thẩm mỹ, trình độ sơ cấp có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

III. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo : 3 tháng
- Thời gian học tập : 12 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 285h

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các mô đun đào tạo nghề: 285h;
- Thời gian học lý thuyết : 68h ; Thời gian học thực hành : 207h

| Mã MH/ MĐ | Tên môn học/mô đun | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) | | | |
|-----------------|-------------------------|------------------|-------------------------|--------------|--|-------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành/ thực tập/bài tập/thảo luận | Kiểm tra |
| MH 01 | Vệ sinh-an toàn dịch tễ | 2 | 15 | 13 | | 2 |
| MĐ02 | Makeup cơ bản | 3 | 60 | 15 | 42 | 3 |

| | | | | | | |
|-------|---------------------|---|-----|----|-----|----|
| MĐ 03 | Makeup nâng cao | 4 | 90 | 20 | 67 | 3 |
| MĐ 04 | Tóc và mi | 3 | 60 | 15 | 43 | 2 |
| MĐ 05 | Thực tập tốt nghiệp | 4 | 60 | 5 | 55 | |
| | | | 285 | 68 | 207 | 10 |

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN ĐÀO TẠO

(Nội dung chi tiết được kèm theo tại phụ lục)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Đề cương chi tiết chương trình của từng mô đun đào tạo nghề

Chương trình chi tiết các mô đun bắt buộc đã có trong chương trình đào tạo quy định chi tiết tên các bài học, chương, mục.

Giáo viên giảng dạy mô đun căn cứ chương trình khung soạn bài giảng chi tiết theo giáo trình thống nhất của Nhà trường và phải được ký duyệt của trưởng khoa trước khi lên lớp.

2. Hướng dẫn kiểm tra sau khi kết thúc mô đun đào tạo nghề và hướng dẫn thi tốt nghiệp.

Tất cả các mô đun đào tạo đều được kiểm tra đánh giá theo Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số **14/2007/QĐ-BLĐTBXH** ngày 24/5/2007 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH.

2.1. Kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc mô đun.

- Hình thức kiểm tra hết mô đun: Viết, bài tập thực hành.
- Thời gian kiểm tra:
 - + Lý thuyết: Không quá 90 phút
 - + Thực hành: Không quá 6 giờ
- Số lần kiểm tra: Theo phụ lục cơ số điểm kiểm tra định kỳ và hệ số mô đun.
- + Thời gian kiểm tra lý thuyết được tính vào giờ lý thuyết, kiểm tra thực hành, kiểm tra tích hợp được tính vào giờ thực hành.

2.2. Hệ số mô đun.

- Hệ số các mô đun: lấy số giờ học lý thuyết chia cho 15 cộng với số giờ thực hành chia cho 40. Trường hợp có phần dư thì làm tròn theo quy tắc nhỏ hơn 0,5 thì làm tròn xuống, lớn hơn 0,5 thì làm tròn lên (có phụ lục hệ số môn học, mô đun kèm theo).

2.3. Thi tốt nghiệp:

| Môn thi | Hình thức thi | Thời gian thi |
|----------------|----------------------|----------------------|
| Thực hành nghề | Bài thi thực hành | 4h |

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Khắc Ngọc

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Vệ sinh - an toàn dịch tễ

Mã môn học: MH01

Thời gian thực hiện môn học: 15 giờ

(Lý thuyết: 13 giờ. Thực hành: 0 giờ. Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí học trước các mô-đun, môn học chuyên môn nghề.
- Tính chất: Môn học thuộc môn cơ sở cho học sinh ngành chăm sóc da

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:
 - + Trình bày được quá trình phát bệnh và phương pháp miễn dịch bệnh truyền nhiễm;
 - + Trình bày được những con đường lây truyền của bệnh;
 - + Trình bày được những nét đặc trưng của bệnh truyền nhiễm qua hệ hô hấp, các đặc điểm của bệnh truyền qua đường tiêu hóa;
- Kỹ năng:
 - + Phân tích được quá trình phát bệnh và phương pháp miễn dịch bệnh truyền nhiễm;
 - + Phân tích được những con đường lây truyền của bệnh;
 - + Nắm được các phương pháp điều trị vi khuẩn truyền nhiễm qua cơ quan hô hấp, đường tiêu hóa và phương pháp dự phòng;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian.

| Số TT | Tên các chương trong môn học | Thời gian (giờ) | | | |
|-------|------------------------------|-----------------|-----------|-----------------------------------|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, | Kiểm tra |

| | | | | bài tập | |
|--|---|---|------|----------------|----------|
| | Chương 1: Phòng ngừa và quản lý bệnh truyền nhiễm | 2 | 2 | | |
| | 1.1. Tổng quan | | 0,5 | | |
| | 1.2. Dịch tễ học(EPIDEMIOLOGY) | | 0,5 | | |
| | 1.3. Quản lý bệnh truyền nhiễm | | 0,5 | | |
| | 1.4. Tăng cường miễn dịch cho thân chủ | | 0,5 | | |
| | Chương 2: Mối quan hệ tương hỗ giữa con người và vi sinh vật | 2 | 2 | | |
| | 2.1. Tính ký sinh của vi sinh vật | | 0,5 | | |
| | 2.2. Tính gây bệnh của vi sinh vật | | 0,5 | | |
| | 2.3. Ngăn ngừa ký sinh trùng đối với vi sinh vật gây nhiễm bệnh | | 0,5 | | |
| | 2.4. Quá trình hình thành viêm nhiễm | | 0,5 | | |
| | Chương 3: Bệnh lây nhiễm quan trọng qua hệ hô hấp | 4 | 3 | | 1 |
| | 3.1. Khái quát | | 0,25 | | |
| | 3.2. Bệnh cúm(ISNLUENZA) | | 0,25 | | |
| | 3.3. Bệnh bạch hầu(diphtheria) | | 0,25 | | |
| | 3.4. Bệnh ho gà(WHOOPING COUGH: PERTUSSIS) | | 0,25 | | |
| | 3.5. Bệnh lao(tuberculosis) | | 0,5 | | |
| | 3.6. Sởi(MEALSES, RUBEOLA) | | 0,5 | | |
| | 3.7. Sởi đức hay rubella | | 0,5 | | |
| | 3.8. Quai bị | | 0,5 | | 1 |
| | Chương 4: Bệnh truyền nhiễm nghiêm trọng ở hệ tiêu hóa | 7 | 6 | | 1 |
| | 4.1. Khái quát | | 0,5 | | |
| | 4.2. Bệnh viêm gan truyền nhiễm | | 0,5 | | |

| | | | | | |
|--|--|----|----|----------|---|
| | (HEPATITIS A VIRUS, HAV) | | | | |
| | 4.3. Bệnh lý trực khuẩn (SHIGELLOSIS) | | 1 | | |
| | 4.4. Bệnh tả | | 1 | | |
| | 4.5. Bệnh sốt thương hàn (typhoid fever) | | 1 | | |
| | 4.6. Bệnh lỵ (AMEBIC DYSENTERY) | | 1 | | |
| | 4.7. Bệnh bại liệt (POLIOMYELITIS) | | 1 | | |
| | Kiểm tra | | | | 1 |
| | Cộng | 15 | 13 | 0 | 2 |

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Phòng ngừa và quản lý bệnh truyền nhiễm:

Thời gian: 2 giờ (LT: 2 giờ;)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+ Trình bày được quá trình phát bệnh và phương pháp miễn dịch bệnh truyền nhiễm.

- Kỹ năng:

+ Phân tích được quá trình phát bệnh và phương pháp miễn dịch bệnh truyền nhiễm.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung chương:

2.1.1. Tổng quan. *0,5 giờ*

2.1.2. Dịch tễ học (EPIDEMIOLOGY). *0,5 giờ*

2.1.3. Quản lý bệnh truyền nhiễm. *0,5 giờ*

2.1.4. Tăng cường miễn dịch cho thân chủ. *0,5 giờ*

Chương 2: Môi quan hệ tương hỗ giữa con người và vi sinh vật:

Thời gian: 2 giờ (LT: 2 giờ;)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được tính ký sinh, tính gây bệnh của vi sinh vật;
- + Trình bày được quá trình hình thành viêm nhiễm.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được tính ký sinh, tính gây bệnh của vi sinh vật;
 - + Phân tích được quá trình hình thành viêm nhiễm;
 - + Ngăn ngừa được ký sinh trùng đối với vi sinh vật gây bệnh.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung chương:

- | | |
|--|---------|
| 2.2.1. Tính ký sinh của vi sinh vật. | 0,5 giờ |
| 2.2.2. Tính gây bệnh của vi sinh vật. | 0,5 giờ |
| 2.2.3. Ngăn ngừa ký sinh trùng đối với vi sinh vật gây nhiễm bệnh. | 0,5 giờ |
| 2.2.4. Quá trình hình thành viêm nhiễm. | 0,5 giờ |

Chương 3: Bệnh lây nhiễm quan trọng qua hệ hô hấp:

Thời gian: 4 giờ (LT: 3 giờ; TH: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

- + Trình bày được các biểu hiện của bệnh cúm, bạch hầu, ho gà, lao, sởi, quai bị;
- + Trình bày được quá trình hình thành viêm nhiễm.

- Kỹ năng:

- + Phân tích được các biểu hiện của bệnh cúm, bạch hầu, ho gà, lao, sởi, quai bị;
 - + Phân tích được quá trình hình thành viêm nhiễm.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung chương:

- | | |
|---|----------|
| 2.3.1. Khái quát. | 0,25 giờ |
| 2.3.2. Bệnh cúm(ISNLUENZA). | 0,25 giờ |
| 2.3.3. Bệnh bạch hầu(diphtheria). | 0,25 giờ |
| 2.3.4. Bệnh ho gà(WHOOPING COUGH: PERTUSSIS). | 0,25 giờ |
| 2.3.5. Bệnh lao(tuberculosis). | 0,5 giờ |
| 2.3.6. Sởi(MEALSES, RUBEOLA). | 0,5 giờ |

2.3.7. Sởi đức hay rubella. 0,5 giờ

2.3.8. Quai bị. 1,5 giờ

Chương 4: Bệnh truyền nhiễm nghiêm trọng ở hệ tiêu hóa

Thời gian: 7 giờ (LT: 6 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức:

+ Trình bày được khái quát bệnh gan, bệnh lý trực khuẩn, bệnh tả, bệnh thương hàn, bệnh lỵ, bệnh bại liệt, ;

+ Trình bày được quá trình hình thành viêm nhiễm.

- Kỹ năng:

+ Phân tích được khái quát bệnh gan, bệnh lý trực khuẩn, bệnh tả, bệnh thương hàn, bệnh lỵ, bệnh bại liệt, ;

+ Trình bày được quá trình hình thành viêm nhiễm và cách phòng tránh.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung của chương:

2.4.1. Khái quát 0,5 giờ

2.4.2. Bệnh viêm gan truyền nhiễm
(HEPATITIS A VIRUS, HAV). 0,5 giờ

2.4.3. Bệnh lý trực khuẩn
(SHIGELLOSIS). 1 giờ

2.4.4. Bệnh tả. 1 giờ

2.4.5. Bệnh sốt thương hàn (typhoid fever). 1 giờ

2.4.6. Bệnh lỵ (AMEBIC DYSENTERY). 1 giờ

2.4.7. Bệnh bại liệt (POLIOMYELITIS). 1 giờ

Kiểm tra. 1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học lý thuyết: Phòng học đảm bảo các điều kiện về ánh sáng, âm thanh, thông thoáng và đảm bảo an toàn về phòng chống cháy, nổ.

2. Trang thiết bị máy móc:

Máy tính; máy chiếu Projector, phong chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Học liệu: Giáo trình, hệ thống bài tập, phiếu kiểm tra;

4. Các điều kiện khác: Tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung: Đánh giá kiểm tra bằng hình thức: vấn đáp, viết, bài tập thực hành trong quá trình thực hiện môn học yêu cầu đạt được các mục tiêu sau:

- + Trình bày được quá trình phát bệnh và phương pháp miễn dịch bệnh truyền nhiễm;
- + Trình bày được những con đường lây truyền của bệnh;
- + Trình bày được những nét đặc trưng của bệnh truyền nhiễm qua hệ hô hấp, các đặc điểm của bệnh truyền qua đường tiêu hóa;

- Kỹ năng:

+ Phân tích được quá trình phát bệnh và phương pháp miễn dịch bệnh truyền nhiễm;

+ Phân tích được những con đường lây truyền của bệnh;

+ Nắm được các phương pháp điều trị vi khuẩn truyền nhiễm qua cơ quan hô hấp, đường tiêu hóa và phương pháp dự phòng;

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: Hình thức kiểm tra: Vấn đáp, bài tập;

- Kiểm tra định kỳ: Hình thức kiểm tra tự luận;

- Thi kết thúc môn học: Hình thức kiểm tra tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Vệ sinh an toàn dịch tế sử dụng để giảng dạy trình độ Sơ cấp nghề trang điểm thẩm mỹ.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên:

+ Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy;

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, kèm cặp để học sinh dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào làm các bài tập thực hành có hiệu quả;

- + Kiểm tra các bài tập về nhà, hướng dẫn và sửa các lỗi tại lớp cho người học
- + Giảng dạy lý thuyết cần có các hình ảnh minh họa để người học quan sát đặc điểm các loại ký sinh vật;
- + Trong quá trình hướng dẫn làm bài tập ứng dụng, giáo viên chia nhóm để người học dễ quan sát.
- Đối với người học:
 - + Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập;
 - + Nghiên cứu tài liệu, thực hiện bài tập theo yêu cầu của giảng viên;
 - + Tích cực nghiên cứu, tự học, làm bài tập về nhà;
 - + Tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp;
 - + Tham gia tối thiểu 80% thời lượng môn học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- + Quá trình phát bệnh và phương pháp miễn dịch bệnh truyền nhiễm;
- + Phân tích được những con đường lây truyền của bệnh;
- + Nắm được các phương pháp điều trị vi khuẩn truyền nhiễm qua cơ quan hô hấp, đường tiêu hóa và phương pháp dự phòng.

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Dịch tễ học – Trường Đại học Y Huế năm 2006
- Giáo trình Dịch tễ học – Trường Trung cấp nghề công nghệ cao Hà Nội

CHƯƠNG TRÌNH MÔN ĐUN

Tên mô-đun: Makeup cơ bản

Mã mô-đun: MĐ2

Thời gian thực hiện mô-đun: 60 giờ(lý thuyết: 15 giờ, thực hành 42 giờ, kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí tính chất của môn học

- Vị trí môn học: mô đun make up cơ bản được bố trí trong chương trình đào tạo nghề trang điểm thẩm mỹ

- Tính chất của môn học: mô đun make up cơ bản là môn học tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

II. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

- Kiến thức:

- + Trình bày được khái quát và lịch sử phát triển của make up;
- + Trình bày khái quát các hình dạng khuôn mặt;
- + Trình bày được các dụng cụ trang điểm cơ bản;
- + Trình bày được một số mỹ phẩm make up;
- + Trình bày được các bước trang điểm cơ bản;
- + Trình bày được phương pháp trang điểm mắt, lông mày, mắt, môi, má;
- + Nhận biết được một số khuyết điểm trên khuôn mặt.

- Kỹ năng

- + Phân tích được lịch sử phát triển của trang điểm;
- + Phân tích được các dạng khuôn mặt;
- + Nhận biết được các dụng cụ trang điểm cơ bản;
- + Nhận biết được các loại mỹ phẩm để make up
- + Phân tích được các hình dạng khuôn mặt, lông mày, mắt, môi, má;
- + Nhận biết và khắc phục được một số khuyết điểm trên khuôn mặt;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Nghiêm túc tự giác trong học, đảm bảo an toàn dịch tễ;
 - + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| TT | Tên chương, mục | Thời gian (giờ) | | | |
|----------|--|-----------------|-----------|---|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | Bài 1: Khái quát và lịch sử phát triển của makeup | 1 | 1 | | |
| | 1.1. Khái quát chung về make up | | 0,5 | | |
| | 1.2. Lịch sử phát triển của make up | | 0,5 | | |
| 2 | Bài 2: Phân tích khuôn mặt | 3 | 2 | 1 | |
| | 2.1. Độ cân xứng của khuôn mặt | | 0,5 | | |
| | 2.2. Kích thước của khuôn mặt lý tưởng | | 0,5 | | |
| | 2.3. Phân tích hình dạng khuôn mặt | | 0,5 | | |
| | 2.4. Bước nhận diện khuôn mặt | | 0,5 | 1 | |
| 3 | Bài 3: Dụng cụ trang điểm | 8 | 3 | 4 | 1 |
| | 3.1. Dụng cụ trang điểm về mày | | 0,5 | 1 | |
| | 3.2. Dụng cụ trang điểm về má | | 0,5 | 1 | |
| | 3.3. Dụng cụ trang điểm về mắt | | 0,5 | 1 | |
| | 3.4. Dụng cụ trang điểm về môi | | 0,5 | 1 | |
| | 3.5. Cách bảo quản | | 1 | | 1 |
| 4 | Bài 4. Mỹ phẩm trong trang điểm cơ bản | 8 | 3 | 4 | 1 |
| | 4.1. Mỹ phẩm trang điểm về mày | | 0,5 | 1 | |
| | 4.2. Mỹ phẩm trang điểm về má | | 0,5 | 1 | |

| | | | | | |
|----------|---------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------|
| | 4.3. Mỹ phẩm trang điểm về mắt | | 0,5 | 1 | |
| | 4.4. Mỹ phẩm trang điểm về môi | | 0,5 | 1 | |
| | 4.5. Cách bảo quản | | 1 | | 1 |
| 5 | Bài 5: Trang điểm cơ bản | 40 | 6 | 33 | 1 |
| | 5.1. Các bước trang điểm cơ bản | | 1 | | |
| | 5.2. Trang điểm khuôn mặt | | 1 | 7 | |
| | 5.3. Trang điểm lông mày | | 1 | 7 | |
| | 5.4. Trang điểm mắt | | 1 | 7 | |
| | 5.5. Trang điểm môi | | 1 | 7 | |
| | 5.6. Trang điểm má | | 1 | 5 | 1 |
| | Cộng | 60 | 15 | 42 | 3 |

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Khái quát và lịch sử phát triển của makeup

Thời gian: 1 giờ

Mục tiêu bài học

- Kiến thức

+ Trình bày được khái quát chung về make up;

+ Trình bày lịch sử phát triển của make up.

- Kỹ năng

+ Phân tích được khái quát chung về make up

+ Phân tích được lịch sử phát triển của make up

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc tự giác trong học

+ Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

2.1.1 Khái quát chung về trang điểm

| | |
|---|----------|
| 2.1.1.1. Định nghĩa | 0,15 giờ |
| 2.1.1.2. Mục đích | 0,15 giờ |
| 2.1.1.3. Phân loại | 0,15 giờ |
| 2.2.2. Lịch sử phát triển về trang điểm | |
| 2.2.2.1 Make up hàn quốc | 0,15 giờ |
| 2.2.2.2. Make up phương tây | 0,15 giờ |

Bài 2: Phân tích khuôn mặt

4 giờ(LT 3 giờ, TH 1 giờ)

Mục tiêu bài học

-Kiến thức

- + Trình bày được độ cân xứng của khuôn mặt
- + Trình bày được kích thước của khuôn mặt
- + Trình bày được các hình dạng của khuôn mặt

-Kỹ năng

- + Phân tích được độ cân xứng của khuôn mặt
- + Phân tích được kích thước của khuôn mặt
- + Phân được các hình dạng của khuôn mặt

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiêm túc tự giác trong học
- + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

| | |
|---------------------------------|----------|
| 2.2.1 Độ cân xứng của khuôn mặt | 0,5giờ |
| 2.2.2. Kích thước của khuôn mặt | |
| 2.2.2.1. Cân đối | 0,25 giờ |
| 2.2.2.2. Cân xứng | 0,25 giờ |

| | |
|---|----------|
| 2.2.3.Phân tích dạng khuôn mặt | |
| 2.2.3.1. Nhận diện khuôn mặt | 0,25 giờ |
| 2.2.3.2. Nhận diện theo hình dạng khuôn mặt | 0,25 giờ |
| 2.2.4. Bước nhận diện khuôn mặt | 1,5 giờ |

Bài 3: Dụng cụ make up

8giờ(LT 3 giờ, TH 4 giờ, KT 1giờ)

Mục tiêu bài học

-Kiến thức

- + Trình bày được các dụng cụ trang điểm
- + Trình bày được cách bảo quản dụng cụ trang điểm

-Kỹ năng

- + Phân tích được tác dụng của dụng cụ trang điểm
- + Nhận biết được các dụng cụ trang điểm cơ bản
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Nghiêm túc tự giác trong học
- + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

2.3.1 .Dụng cụ makeup

| | |
|------------------------------|---------|
| 2.3.1.1. Dụng cụ make up mày | 1,5 giờ |
| 2.3.1.2. Dụng cụ make up mắt | 1,5 giờ |
| 2.3.1.3. Dụng cụ make up môi | 1,5 giờ |
| 2.3.1.4. Dụng cụ make up má | 1,5 giờ |

| | |
|----------------------|-------|
| 2.3.2. Cách bảo quản | 1 giờ |
|----------------------|-------|

| | |
|----------|-------|
| Kiểm tra | 1 giờ |
|----------|-------|

Bài 4: Mỹ phẩm make up

8giờ(LT 3 giờ, TH 4 giờ, KT 1giờ)

Mục tiêu bài học

- Kiến thức
- + Trình bày được các mỹ phẩm trong make up mày, má, mắt, môi
- + Trình bày được cách bảo quản mỹ phẩm
- Kỹ năng
- + Phân tích được tác dụng của dụng cụ trang điểm
- + Nhận biết được các dụng cụ trang điểm cơ bản
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Nghiêm túc tự giác trong học
- + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

2.4.1 .Mỹ phẩm makeup

2.4.1.1. Mỹ phẩm make up mày 1,5 giờ

2.4.1.2. Mỹ phẩm make up mắt 1,5 giờ

2.4.1.3. Mỹ phẩm make up môi 1,5 giờ

2.4.1.4. Mỹ phẩm make up má 1,5 giờ

2.4.2. Cách bảo quản 1 giờ

Kiểm tra 1 giờ

Bài 5 : Make up cơ bản

40giờ(LT 6 giờ, TH 33 giờ, KT 1giờ)

Mục tiêu bài học

- Kiến thức
- + Trình bày được các bước trang điểm
- + Trình bày được cách trang điểm khuôn mặt, lông mày, mắt, môi, má.

-Kỹ năng

+ Phân tích được từng bước trang điểm

+ Phân tích được trình tự trang điểm

+ Phân tích được cách điểm điểm khuôn mặt, lông mày, mắt, môi, má

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc tự giác trong học

+ Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

| | |
|-------------------------------------|--------------|
| 2.5.1 .Các bước trang điểm cơ bản | 1 giờ |
| 2.5.2. Trang điểm khuôn mặt | 8 giờ |
| 2.5.2.1 . Mục đích | 0,25 giờ |
| 2.5.2.2. Dụng cụ và mỹ phẩm | 0,25 giờ |
| 2.5.2.3. Phương pháp make up | |
| 2.5.2.3.1. Mặt tròn | 2 giờ |
| 2.5.2.3.2. Mặt dài | 1,5 giờ |
| 2.5.2.3.3. Mặt vuông | 1 giờ |
| 2.5.2.3.4. Mặt trái tim | 1 giờ |
| 2.5.2.3.5. Mặt tam giác | 1 giờ |
| 2.5.2.3.5. Mặt quả lê | 1 giờ |
| 2.5.3. Trang điểm lông mày | 8 giờ |
| 2.5.3.1 . Mục đích | 0,25 giờ |
| 2.5.3.2. Dụng cụ và mỹ phẩm | 0,25 giờ |
| 2.5.3.3. Phương pháp make up | |
| 2.5.3.3.1 P hương pháp sửa lông mày | 3,5giờ |

| | |
|------------------------------------|--------------|
| 2.5.3.3.2. Phương pháp vẽ lông mày | 4 giờ |
| 2.5.4. Trang điểm mắt | 8 giờ |
| 2.5.4.1. mục đích | 0,25 giờ |
| 2.5.4.2. Dụng cụ và mỹ phẩm | 0,25 giờ |
| 2.5.4.3. Phương pháp make up | |
| 2.5.4.3.1. Mắt nhung 1 lớp màu | 3,5 giờ |
| 2.5.4.3.2. Mắt nhung 3 lớp màu | 2 giờ |
| 2.5.4.3.2. Mắt nhấn đuôi | 2 giờ |
| 2.5.5. Trang điểm môi | 6 giờ |
| 2.5.5.1. mục đích | 0,25 giờ |
| 2.5.5.2. Dụng cụ và mỹ phẩm | 0,25 giờ |
| 2.5.5.3. Phương pháp | |
| 2.5.5.3.1 Môi dày | 2 giờ |
| 2.5.5.3.2. Môi mỏng | 1,5 giờ |
| 2.5.5.3.3. Môi nhô ra ngoài | 2 giờ |
| 2.5.5.3.4. Môi có đuôi sệ | 2 giờ |
| 2.5.6. Trang điểm má | 6 giờ |
| 2.5.6.1. Mục đích | 0,25 giờ |
| 2.5.6 .2. Dụng cụ và mỹ phẩm | 0,25 giờ |
| 2.5.6.3. Phương pháp | |
| 2.5.6.3.1 Mặt tròn | 1,5 giờ |
| 2.5.6.3.2. Mặt dài | 1,5 giờ |
| 2.5.6.3.3. Mặt vuông | 1 giờ |

| | |
|-------------------------|---------|
| 2.5.6.3.4. Mặt tam giác | 1 giờ |
| 2.5.6.3.5 Mặt thoi | 0,5 giờ |
| Kiểm tra | 1 giờ |

IV. Điều kiện thực hiện mô-đun

1. Phòng học chuyên môn hóa, có đầy đủ trang thiết bị, đảm bảo về ánh sáng, độ ồn và thông thoáng đảm bảo an toàn về phòng cháy, nổ.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu
- Phong chiếu;

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Học liệu: Giáo trình, hệ thống bài tập, phiếu kiểm tra;
- Dụng cụ: Mút trang điểm, bông phấn, cọ trang điểm, kéo cắt tia lông mày, dao cạo lông mày, kẹp mi, Bông gòn; dụng cụ bấm mi, gương soi....
- Nguyên liệu: Phấn mắt, phấn phủ, phấn tạo khối, son, mi giả, kích mí...

4. Các điều kiện khác: Các tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung: Đánh giá kiểm tra bằng hình thức: vấn đáp, viết, bài tập thực hành trong quá trình thực hiện môn học yêu cầu đạt được các mục tiêu sau:

- Kiến thức:

- + Trình bày được khái quát và lịch sử phát triển của make up;
- + Trình bày khái quát các hình dạng khuôn mặt;
- + Trình bày được các dụng cụ trang điểm cơ bản;
- + Trình bày được một số mỹ phẩm make up;
- + Trình bày được các bước trang điểm cơ bản;
- + Trình bày được phương pháp trang điểm mắt, lông mày, mắt, môi, má;
- + Nhận biết được một số khuyết điểm trên khuôn mặt.

- Kỹ năng

- + Phân tích được lịch sử phát triển của trang điểm;
- + Phân tích được các dạng khuôn mặt;
- + Nhận biết được các dụng cụ trang điểm cơ bản;

- + Nhận biết được các loại mỹ phẩm để make up
- + Phân tích được các hình dạng khuôn mặt, lông mày, mắt, môi, má;
- + Nhận biết và khắc phục được một số khuyết điểm trên khuôn mặt;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Nghiêm túc tự giác trong học, đảm bảo an toàn dịch tễ;
- + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập.

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: Hình thức kiểm tra: Vấn đáp, bài tập.
- Kiểm tra định kỳ: Hình thức kiểm tra: bài thực hành
- Thi kết thúc mô-đun: Thực hành .

VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun :

1. Phạm vi áp dụng mô-đun:

Chương trình Mô-đun Makeup cơ bản sử dụng để giảng dạy trình độ sơ cấp nghề trang điểm thẩm mỹ

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập

- Đối với giảng viên:

+ Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của mô-đun và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện để đảm bảo chất lượng giảng dạy;

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, thao tác mẫu, đàm thoại, uốn nắn, kèm cặp để người học dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào làm các bài tập thực hành có hiệu quả;

+ Kiểm tra uốn nắn và hướng dẫn sửa các lỗi bài tập thực hành tại lớp cho sinh viên

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập

+ Nghiên cứu tài liệu, thực hiện bài tập đúng tiến độ theo yêu cầu của giảng viên

+ Tham gia tối thiểu 80% thời lượng mô đun;

+ Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị

3. Những trọng cần chú ý:

+ Sử dụng thành thạo các đồ dụng, dụng cụ trong trang điểm ;

+ Makeup được các bộ phận trên khuôn mặt

+ Nhận biết và khắc phục được một số khuyết điểm trên khuôn mặt

4. Tài liệu học tập:

- Giáo trình make up cơ bản- Trường cao đẳng công nghệ cao hà nội

- <https://hoctrangdiem.org/cac-buoc-trang-diem-co-ban-tu-nhien.html>

-<https://dep365.com/my-pham-trang-diem-co-ban-cho-nguoi-moi/>

CHƯƠNG TRÌNH MÔN ĐUN

Tên mô- đun: Make up nâng cao

Mã mô- đun: MĐ3

Thời gian thực hiện mô -đun: 90 giờ(lý thuyết: 20 giờ, Lý Thuyết 67 giờ, kiểm tra 3 giờ)

I. Vị trí tính chất của môn học

- Vị trí môn học: mô- đun make up nâng cao là môn đun trong chương trình đào tạo nghề trang điểm thẩm mỹ

- Tính chất của môn học: mô- đun make up nâng cao là môn học tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

II. MỤC TIÊU MÔ ĐUN

- Kiến thức:

+ Trình bày được dụng cụ, mỹ phẩm trong trang điểm công sở, trang điểm dự tiệc, trang điểm cô dâu.

+ Trình bày được yêu cầu kỹ thuật

+ Trình bày được các bước trang điểm công sở, trang điểm dự tiệc, trang điểm cô dâu.

+ Hoàn chỉnh kỹ năng phối màu trang điểm trong trang điểm công sở, trang điểm dự tiệc, trang điểm cô dâu.

+ Trình bày được cách sử dụng dụng cụ, các loại mỹ phẩm

- Kỹ năng

+ Thực hành trang điểm được các bước trang điểm công sở, trang điểm dự tiệc, trang điểm cô dâu một cách chuyên nghiệp

+ Phân tích được yêu cầu kỹ thuật

+ Nhận biết được các dụng cụ trang điểm

+ Phân tích được các hình dạng khuôn mặt, lông mày, mắt, môi, má.

+ Nhận biết và khắc phục được một số khuyết điểm trên khuôn mặt

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc tự giác trong học

+ Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

+ Nuôi dưỡng sự đam mê sáng tạo trong nghề nghiệp

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| TT | Tên chương, mục | Thời gian (giờ) | | | |
|----------|--|-----------------|-----------|---|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | Bài 1: Kỹ thuật trang điểm công sở | 24 | 5 | 17 | |
| | 1.1.Điều kiện khi trang điểm công sở | | | | |
| | 1.1.1. Dụng cụ | | 0,5 | | |
| | 1.1.2. Mỹ phẩm | | 0,5 | | |
| | 1.2. Kỹ thuật trang điểm công sở | | | | |
| | 1.2.1.Yêu cầu kỹ thuật | | 1 | | |
| | 1.2.2. Các bước thực hiện | | 3 | 17 | |
| 2 | Bài 2: Kỹ thuật trang điểm dự tiệc | 20 | 5 | 14 | 1 |
| | 2.1.Điều kiện khi trang điểm dự tiệc | | | | |
| | 2.1.1.Dụng cụ | | 0,5 | | |
| | 2.1.2.Mỹ phẩm | | 0,5 | | |
| | 2.2.Kỹ thuật trang điểm dự tiệc | | | | |
| | 2.2.1. Yêu cầu kỹ thuật | | 1 | | |
| | 2.2.2. Các bước thực hiện | | 3 | 14 | 1 |
| 3 | Bài 3: Kỹ thuật trang điểm tự nhiên | 20 | 5 | 15 | |
| | 3.1. Điều kiện khi trang điểm tự nhiên | | | | |

| | | | | | |
|----------|--------------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------|
| | 3.1.1. Dụng cụ | | 0,5 | | |
| | 3.1.2. Mỹ phẩm | | 0,5 | | |
| | 3.2. Kỹ thuật trang điểm tự nhiên | | | | |
| | 3.2.1. Yêu cầu kỹ thuật | | 1 | | |
| | 3.2.2. Các bước thực hiện | | 3 | 15 | |
| 4 | Bài 4: Trang điểm cô dâu | 26 | 5 | 19 | 2 |
| | 4.1. Điều kiện khi trang điểm cô dâu | | | | |
| | 4.1.1 Dụng cụ | | 0,5 | | |
| | 4.1.2. Mỹ phẩm | | 0,5 | | |
| | 4.2. Kỹ thuật trang điểm cô dâu | | | | |
| | 4.2.1. Yêu cầu kỹ thuật | | 1 | | |
| | 4.2.2. Các bước thực hiện | | 3 | 19 | 2 |
| | Cộng | 90 | 20 | 67 | 3 |

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Kỹ thuật trang điểm công sở Thời gian: 24 giờ(LT: 5 giờ. TH: 17 giờ)

Mục tiêu bài học

-Kiến thức

+Trình bày được dụng cụ, mỹ phẩm trong trang điểm công sở

+ Trình bày được mục đích yêu cầu của việc trang điểm công sở

+ Trình được các kỹ thuật trang điểm công sở

+ Trình bày được các bước trong trang điểm công sở

-Kỹ năng

+ Phân tích được các kỹ thuật trong trang điểm công sở

+ Thực hành thành thạo việc trang điểm công sở đúng kỹ thuật, đúng yêu cầu

+ Tự tin thao tác an toàn cho khách và thợ, đảm bảo vệ sinh tuyệt đối trong suốt quá trình thực hiện.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc tự giác trong học, đảm bảo an toàn dịch tễ.

+ Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

2.1.1. Điều kiện khi trang điểm công sở

2.1.1.1 Dụng cụ 0,5 giờ

2.1.1.2. Mỹ Phẩm 0,5 giờ

2.1.2. Kỹ thuật trang điểm công sở

2.1.2.1. Yêu cầu kỹ thuật 1 giờ

2.1.2.2. Các bước thực hiện

2.1.2.2.1 Vệ sinh da 2 giờ

2.1.2.2.2. Tạo nền 4 giờ

2.1.2.2.3 Vẽ chân mày 4 giờ

2.1.2.2.4. Vẽ mắt, kẻ mắt nước 4 giờ

2.1.2.2.5. Bấm mi, trải mascara 4 giờ

2.1.2.2.6. Tạo má hồng 2 giờ

Bài 2: Kỹ thuật trang điểm dự tiệc

Thời gian: 20 giờ(LT: 5 giờ. TH: 14 giờ, KT: 1 giờ)

Mục tiêu bài học

-Kiến thức

+Trình bày được dụng cụ, mỹ phẩm trong trang điểm dự tiệc

- + Trình bày được mục đích yêu cầu của việc trang điểm dự tiệc
- + Trình được các kỹ thuật trang điểm dự tiệc
- + Trình bày được các bước trong trang điểm dự tiệc
- Kỹ năng
- + Phân tích được các kỹ thuật trong trang điểm dự tiệc
- + Thực hành thành thạo việc trang điểm dự tiệc đúng kỹ thuật, đúng yêu cầu
- + Tự tin thao tác an toàn cho khách và thợ, đảm bảo vệ sinh tuyệt đối trong suốt quá trình thực hiện.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Nghiêm túc tự giác trong học, đảm bảo an toàn dịch tễ.
- + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

2.2.1. Điều kiện khi trang điểm dự tiệc

2.2.1.1. Dụng cụ 0,5 giờ

2.2.1.2. Mỹ Phẩm 0,5 giờ

2.2.2. Kỹ thuật trang điểm dự tiệc

2.2.2.1. Yêu cầu kỹ thuật 1 giờ

2.2.2.2. Các bước thực hiện

2.2.2.2.1 Vệ sinh da 1 giờ

2.2.2.2.2. Tạo nền 1 giờ

2.2.2.2.3 Vẽ chân mày 4 giờ

2.2.2.2.4. Vẽ mắt, kẻ mắt nước 4 giờ

2.2.2.2.5. Bấm mi, trải mascara 1 giờ

2.2.2.2.6. Tạo má hồng 1 giờ

2.2.2.2.7. Tô son 1 giờ

| | |
|--------------------------------|-------|
| 2.2.2.2.8. Phủ phấn phản quang | 1 giờ |
| Kiểm tra | 1 giờ |

Bài 3: Kỹ thuật trang điểm tự nhiên

Thời gian: 20 giờ(LT: 5 giờ. TH: 15 giờ)

Mục tiêu bài học

-Kiến thức

- +Trình bày được dụng cụ, mỹ phẩm trong trang điểm tự nhiên
- + Trình bày được mục đích yêu cầu của việc trang điểm tự nhiên
- + Trình được các kỹ thuật trang điểm tự nhiên
- + Trình bày được các bước trong trang điểm tự nhiên

Kỹ năng

- + Phân tích được các kỹ thuật trong trang điểm tự nhiên
- + Thực hành thành thạo việc trang điểm tự nhiên đúng kỹ thuật, đúng yêu cầu
- + Tự tin thao tác an toàn cho khách và thợ, đảm bảo vệ sinh tuyệt đối trong suốt quá trình thực hiện.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Nghiêm túc tự giác trong học, đảm bảo an toàn dịch tễ.
 - + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

2.3.1. Điều kiện khi trang điểm dự tiệc

2.3.1.1. Dụng cụ 0,5 giờ

2.3.1.2. Mỹ Phẩm 0,5 giờ

2.3.2. Kỹ thuật trang điểm dự tiệc

2.3.2.1. Yêu cầu kỹ thuật 1 giờ

2.3.2.2. Các bước thực hiện

| | |
|--|-------|
| 2.3.2.2.1. vệ sinh da | 1 giờ |
| 2.3.2.2.2. Tạo nền | 3 giờ |
| 2.3.2.2.3. Vẽ chân mày | 3 giờ |
| 2.3.2.2.4. Vẽ mắt | 3 giờ |
| 2.3.2.2.5. bả mí, dán mí giả, trái mascara | 2 giờ |
| 2.3.2.2.6. Tạo má hồng | 2 giờ |
| 2.3.2.2.7. Tô son môi | 1 giờ |

Bài 4: Kỹ thuật trang điểm cô dâu

Thời gian: 26 giờ(LT: 5 giờ. TH: 19 giờ, KT: 2 giờ)

Mục tiêu bài học

-Kiến thức

- +Trình bày được dụng cụ, mỹ phẩm trong trang điểm cô dâu
- + Trình bày được mục đích yêu cầu của việc trang điểm dâu
- + Trình bày được các kỹ thuật trang điểm cô dâu
- + Trình bày được các bước trong trang điểm cô dâu

Kỹ năng

- + Phân tích được các kỹ thuật trong trang điểm cô dâu
- + Thực hành thành thạo việc trang điểm cô dâu đúng kỹ thuật, đúng yêu cầu
- + Tự tin thao tác an toàn cho khách và thợ, đảm bảo vệ sinh tuyệt đối trong suốt quá trình thực hiện.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Nghiêm túc tự giác trong học, đảm bảo an toàn dịch tễ.
- + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

2. Nội dung bài học

| | |
|---|---------|
| 2.4.1. Điều kiện khi trang điểm dự tiệc | |
| 2.4.1.1. Dụng cụ | 0,5 giờ |
| 2.4.1.2. Mỹ Phẩm | 0,5 giờ |
| 2.4.2. Kỹ thuật trang điểm dự tiệc | |
| 2.4.2.1. Yêu cầu kỹ thuật | 1 giờ |
| 2.4.2.2. Các bước thực hiện | |
| 2.4.4.1. vệ sinh da | 1 giờ |
| 2.4.4.2. Tạo nền | 4 giờ |
| 2.4.4.3. Vẽ chân mày | 4 giờ |
| 2.4.4.4. Vẽ mắt | 4 giờ |
| 2.4.4.5. bấm mi, dán mi giả, trải mascara | 4 giờ |
| 2.4.4.6. Tạo má hồng | 4 giờ |
| 2.4.4.7. Tô son môi | 2 giờ |
| 2.4.4.8. Phủ phấn | 1 giờ |
| Kiểm tra | 1 giờ |

IV. Điều kiện thực hiện mô-đun

1. Phòng học chuyên môn hóa, kể có đầy đủ trang thiết bị, đảm bảo về ánh sáng, độ ồn và thông thoáng đảm bảo an toàn về phòng cháy, nổ.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu
- Phong chiếu;

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Dụng cụ: Mút trang điểm, bông phấn, cọ trang điểm, kéo cắt tia lông này, dao cạo lông mày, kẹp mi, lông mi giả, Bông gòn; dụng cụ bấm mi, gương soi,
- Nguyên liệu: Phấn mắt, phấn phủ, phấn tạo khối, son, mi giả., kích mí....

4. Các điều kiện khác: Các tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung: Đánh giá kiểm tra bằng hình thức: vấn đáp, viết, bài tập thực hành trong quá trình thực hiện môn học yêu cầu đạt được các mục tiêu sau:

- Kiến thức:

+ Trình bày được dụng cụ, mỹ phẩm trong trang điểm công sở, trang điểm dự tiệc, trang điểm cô dâu.

+ Trình bày được yêu cầu kỹ thuật

+ Trình bày được các bước trang điểm công sở, trang điểm dự tiệc, trang điểm cô dâu.

+ Hoàn chỉnh kỹ năng phối màu trang điểm trong trang điểm công sở, trang điểm dự tiệc, trang điểm cô dâu.

+ Trình bày được cách sử dụng dụng cụ, các loại mỹ phẩm

- Kỹ năng

+ Thực hành trang điểm được các bước trang điểm công sở, trang điểm dự tiệc, trang điểm cô dâu một cách chuyên nghiệp

+ Phân tích được yêu cầu kỹ thuật

+ Nhận biết được các dụng cụ trang điểm

+ Phân tích được các hình dạng khuôn mặt, lông mày, mắt, môi, má.

+ Nhận biết và khắc phục được một số khuyết điểm trên khuôn mặt

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nghiêm túc tự giác trong học

+ Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ và có ý thức tiết kiệm và bảo quản đồ dùng trong học tập

+ Nuôi dưỡng sự đam mê sáng tạo trong nghề nghiệp

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: Hình thức kiểm tra: Vấn đáp, bài tập.

- Kiểm tra định kỳ: Hình thức kiểm tra: bài thực hành

- Thi kết thúc mô-đun: Thực hành

VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun :

1. Phạm vi áp dụng mô-đun:

Chương trình Mô-đun Make up nâng cao sử dụng để giảng dạy trình độ sơ cấp nghề trang điểm thẩm mỹ.

2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập

- Đối với giảng viên:

+ Giảng viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của mô-đun và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện để đảm bảo chất lượng giảng dạy;

+ Kết hợp các phương pháp giảng dạy: thuyết trình, trực quan, thao tác mẫu, đàm thoại, uốn nắn, kèm cặp để người học dễ tiếp thu bài và vận dụng kiến thức lý thuyết vào làm các bài tập thực hành có hiệu quả;

+ Kiểm tra uốn nắn và hướng dẫn sửa các lỗi bài tập thực hành tại lớp cho người học.

- Đối với người học:

+ Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng học tập

+ Nghiên cứu tài liệu, thực hiện bài tập đúng tiến độ theo yêu cầu của giảng viên

+ Tham gia tối thiểu 80% thời lượng mô-đun;

+ Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị

3. Những trọng cần chú ý:

+ Sử dụng thành thạo các đồ dụng, dụng cụ trong trang điểm ;

+ Thực hiện các bài tập được giao

+ Nhận biết và khắc phục được một số khuyết điểm trên khuôn mặt

4. Tài liệu học tập:

- Giáo trình make up cơ bản- Trường cao đẳng công nghệ cao hà nội

- Giáo trình kỹ thuật trang điểm nâng cao- Trường cao đẳng Bách Khoa Nam Sài Gòn

- **Tài liệu bộ môn trang điểm –Nhà Văn Hóa Phụ Nữ TPHCM**

- <https://hoctrangdiem.org/cac-buoc-trang-diem-co-ban-tu-nhien.html>

-<https://dep365.com/my-pham-trang-diem-co-ban-cho-nguoi-moi/>

- Tài liệu bộ môn trang điểm –Nhà Văn Hóa Phụ Nữ TPHCM.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: **Tóc và mi**

Mã số của mô đun : MĐ04

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận: 43 giờ) Kiểm tra : 2 giờ

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí:

+ Mô đun **Tóc và mi** là mô đun chuyên môn nghề trong chương trình mô đun đào tạo nghề trang điểm thẩm mỹ.

- Tính chất:

+ Mô đun **Tóc và mi** là mô đun tích hợp giữa lý thuyết và thực hành

II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:

+ Nhận biết được các loại tóc, hiểu về tóc;

+ Trình bày được cấu tạo và sự phát triển của tóc;

+ Trình bày được một số bệnh lý của tóc và cách khắc phục;

+ Trình bày được một số kỹ thuật tạo kiểu tóc;

+ Trình bày được các nguyên tắc trong việc sấy tóc;

+ Trình bày được các loại dụng cụ thiết bị để thực hiện tạo kiểu tóc;

+ Trình bày được các dụng cụ nối mi

+ Trình bày được các dáng mi

+ Trình bày được các kiểu nối mi

+ Trình bày được thuật nối mi

+ Trình bày được quy trình nối mi, tháo mi

- Kỹ năng:

+ Thực hiện thành thạo quy trình sấy tóc đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật;

+ Tạo được các kiểu tóc sấy, tóc tết, tóc uốn;

+ Sử dụng thành thạo các loại máy móc thiết bị làm tóc;

+ Thành thạo thực hiện các kỹ năng sấy các kiểu tóc và các loại tóc;

+ Trình bày được kỹ thuật cầm máy uốn và các điểm cần chú ý khi thực hiện uốn tóc;

+ Thực hiện thành thạo kỹ năng, sấy tóc, uốn tóc, tết tóc theo đúng hình dáng.

+ Phân tích được các kiểu nối mi;

- + Phân tích được kỹ thuật nối mi;
- +Phân tích được quy trình nối mi;
- + Thực hiện nối mi đúng thao tác trình tự;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- +Thái độ học tập nghiêm túc, sôi nổi, yêu ngành, yêu nghề;
- +Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, thao tác nhanh khi thực hiện các kỹ năng

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên các bài trong mô đun | Thời gian (giờ) | | | |
|-------|---|-------------------|-----------|---|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập | Kiểm tra |
| | Bài 1: Sự hình thành và phát triển của tóc | 2 | 2 | 0 | |
| | 1.1. Cấu tạo của tóc | | 0,5 | | |
| | 1.2. Quá trình phát triển của tóc | | 0,5 | | |
| | 1.3. Một số bệnh lý về tóc và cách khắc phục điều trị | | 1 | | |
| | Bài 2: Kỹ thuật tạo kiểu tóc | 10 | 2 | 7 | 1 |
| | 2.1. Dụng cụ | | 0,5 | | |
| | 2.2. Kỹ thuật tạo kiểu tóc | | 1,5 | 7 | 1 |
| | Bài 3: Các kiểu nối mi | 8 | 3 | 5 | |
| | 3.1. Dụng cụ và nguyên liệu | | 0,5 | | |
| | 3.2. Phân loại lông mi | | 0,5 | | |
| | 3.3. Các dáng thiết kế mi mắt | | 1 | | |

| | | | | | |
|--|-------------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------|
| | 3.4. Các kiểu nối mi | | 1 | 5 | |
| | Bài 4: Kỹ thuật nối mi | 40 | 8 | 31 | 1 |
| | 4.1. Kỹ thuật lấy keo và nối mi | | 2 | 1 | |
| | 4.2. Nối mi bằng nhíp | | 2 | 10 | |
| | 4.3. Quy trình nối mi | | 2 | 10 | |
| | 4.4. Quy trình dặm, loại bỏ tháo mi | | 2 | 10 | 1 |
| | Tổng cộng | 60 | 15 | 43 | 2 |

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Sự hình thành và phát triển của tóc

Thời gian :2 giờ

1. Mục tiêu:

- Kiến thức

- +Trình bày được sự hình thành và phát triển của tóc
- +Trình bày được một số bệnh lý và cách khắc phục điều trị

- Kỹ năng

- +Phân tích được sự hình thành và phát triển của tóc
- +Phân tích được được một số bệnh lý và cách khắc phục điều trị

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- + Thái độ học tập nghiêm túc, sôi nổi, yêu ngành, yêu nghề
- + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, thao tác nhanh khi thực hiện các kỹ năng

2. Nội dung bài :

2.2.1.Cấu tạo của tóc 0,5giờ

2.2.2.Qúa trình phát triển của tóc 0,5 giờ

2.2.3. Một số bệnh lý về tóc và cách khắc phục điều trị 1 giờ

Bài 2: Kỹ thuật tạo kiểu tóc

Thời gian: 10 giờ(LT: 2 giờ; TH: 7 giờ; KT: 1 giờ)

1. Mục tiêu:

- Kiến thức

+ Trình bày được các loại dụng cụ thiết bị để thực hiện tạo kiểu tóc

+ Nhận biết được một số hình dáng kiểu tóc

- Kỹ năng:

+ Sử dụng thành thạo các loại máy móc thiết bị làm tóc

+ Thành thạo thực hiện các kỹ năng sấy các kiểu tóc và các loại tóc

+ Trình bày được kỹ thuật cầm máy uốn và các điểm cần chú ý khi thực hiện uốn tóc

+ Thực hiện thành thạo kỹ năng, sấy tóc, uốn tóc, tết tóc theo đúng hình dáng

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Thái độ học tập nghiêm túc, sôi nổi, yêu ngành, yêu nghề

+ Tỉ mỉ, sáng tạo cẩn thận thao tác nhanh khi thực hiện các kỹ năng

2. Nội dung bài:

| | | |
|---------|-----------------------|---------|
| 2.2.1. | Dụng cụ | 0,5 giờ |
| 2.2.2 | Kỹ thuật tạo kiểu tóc | |
| 2.2.2.1 | Kỹ thuật sấy tóc | 2,5 giờ |
| 2.2.2.2 | Kỹ thuật uốn tóc | 2,5 giờ |
| 2.2.2.3 | Kỹ thuật tết tóc | 3,5 giờ |
| | Kiểm tra | 1 giờ |

Bài 3: Các kiểu nối mi

Thời gian: 8 giờ (LT: 3 giờ; TH: 5 giờ)

Mục tiêu bài học

- Kiến thức:

+ Trình bày được các dụng cụ nối mi

+ Trình bày được phân loại lông mi.

+ Trình bày được các hình dáng mi mắt

+ Trình bày được các kiểu nối mi

- Kỹ năng:

+ Phân tích được các chất liệu nối mi

+ Phân tích được các kiểu nối mi.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.3.1. dụng cụ và nguyên liệu

2.3.1.1. Dụng cụ 0,25 giờ

2.3.1.2. Nguyên liệu 0,25 giờ

2.3.2. Phân loại lông mi 0, 5 giờ

2.3.3. Các hình dáng thiết kế mi mắt

2.3.3.1. Mắt một mí 0,25 giờ

2.3.3.2. Mắt rộng 0,25 giờ

2.3.3.3. Mắt Sâu 0,25 giờ

2.3.3.4. Mắt sếch 0,25 giờ

2.3.4. Các kiểu nối mi 6 giờ

Bài 4: Kỹ thuật nối mi

Thời gian: 40 giờ (LT: 8 giờ; TH: 31 giờ; KT: 1 giờ)

- Kiến thức:

- + Trình bày được trình tự nối mi
- + Trình bày được các bước nối mi bằng nhíp
- + Trình bày được quy trình nối mi
- + Trình bày được quy trình dặm, tháo bỏ mi

- Kỹ năng:

- + Phân tích được trình tự nối mi
- + Phân tích được các bước nối mi bằng nhíp
- + Phân tích được quy trình nối mi
- + Phân tích được quy trình dặm, tháo bỏ mi

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tính sáng tạo, kiên trì trong học tập.

2. Nội dung bài:

2.4.1. Kỹ thuật lấy keo và nối mi 3 giờ

2.4.2. Nối mi bằng nhíp

2.4.2.1. Nối mi bằng một nhíp 6 giờ

| | |
|---|---------------|
| 2.4.2.2. Nối mi bằng hai nhíp | 6 giờ |
| 2.4.3. quy trình nối mi | 12 giờ |
| 2.4.3.1. Quy trình nối mi trên | 6 giờ |
| 2.4.3.2. Quy trình nối mi dưới | 6 giờ |
| 2.4.4. Quy dặm mi và loại bỏ tháo mi | 12 giờ |
| 2.4.4.1. Quy trình dặm | 6 giờ |
| 2.4.4.2. Quy trình loại bỏ tháo mi | 6 giờ |
| Kiểm tra | 1 giờ |

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hoá

- Phòng học thực hành, điện sáng đủ 10 tuýp, bàn ghế chuyên nghiệp dành cho lớp tóc, ghế ngồi cắt tóc, giường nằm gội, gương soi 2 phía tường thực hành.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy sấy, máy uốn, máy ép, máy dập xù

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Người mẫu, đầu tóc giả manơ canh

- Học liệu: Giáo trình, hệ thống bài tập, phiếu kiểm tra;

- **Dụng cụ:** kẹp vịt, lược, chổi mi, tăm bông, gương soi, quạt mi, đèn chụp, bột vệ sinh mí.....

- Nguyên liệu:

+ Dưỡng tóc

+ Gel vuốt tóc giữ nếp

+ băng kéo, mi mắt gell, sáp.....

4. Các điều kiện khác.

Trung tâm Beauty salon tóc, tài liệu tham khảo tại thư viện nhà trường.

V . Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Nhận biết được các loại tóc, hiểu về tóc;

- +Trình bày được cấu tạo và sự phát triển của tóc;
- +Trình bày được một số bệnh lý của tóc và cách khắc phục;
- + Trình bày được một số kỹ thuật tạo kiểu tóc;
- + Trình bày được các nguyên tắc trong việc sấy tóc;
- +Trình bày được các loại dụng cụ thiết bị để thực hiện tạo kiểu tóc;
- +Trình bày được các dụng cụ nối mi
- + Trình bày được các dáng mi
- + Trình bày được các kiểu nối mi
- + Trình bày được thuật nối mi
- +Trình bày được quy trình nối mi, tháo mi
- Kỹ năng:
 - + Thực hiện thành thạo quy trình sấy tóc đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật;
 - + Tạo được các kiểu tóc sấy, tóc tết, tóc uốn;
 - + Sử dụng thành thạo các loại máy móc thiết bị làm tóc;
 - + Thành thạo thực hiện các kỹ năng sấy các kiểu tóc và các loại tóc;
 - + Trình bày được kỹ thuật cầm máy uốn và các điểm cần chú ý khi thực hiện uốn tóc;
 - + Thực hiện thành thạo kỹ năng, sấy tóc, uốn tóc, tết tóc theo đúng hình dáng.
 - + Phân tích được các kiểu nối mi;
 - + Phân tích được kỹ thuật nối mi;
 - +Phân tích được quy trình nối mi;
 - + Thực hiện nối mi đúng thao tác trình tự;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - +Thái độ học tập nghiêm túc, sôi nổi, yêu ngành, yêu nghề;
 - +Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, thao tác nhanh khi thực hiện các kỹ năng

2. Phương pháp:

- Kiểm tra thường xuyên: Hình thức kiểm tra: Vấn đáp, bài tập.
- Kiểm tra định kỳ: Hình thức kiểm tra: bài thực hành
- Thi kết thúc mô-đun: Thực hành

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng chương trình:

Chương trình mô đun Tóc và mi được sử dụng để giảng dạy đào tạo trình độ sơ cấp nghề trang điểm thẩm mỹ.

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy mô đun:

- Giáo viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của mô đun và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.
- Trong quá trình giảng dạy, giáo viên sử dụng phim, máy chiếu hoặc bản vẽ để giới thiệu cách mẫu tóc nhuộm ưa chuộng để làm sinh động bài giảng.
- Nên phân nhóm học viên để có điều kiện trao đổi về kiến thức và kỹ năng trong quá trình học tập.
- Giáo viên kèm cặp, uốn nắn trực tiếp các thao tác tạo kỹ năng tạo kiểu tóc trong khi thực tập.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

-Bài 2,4

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Giáo trình chăm sóc tóc chuyên sâu- Trung tâm đào tạo nghề thẩm mỹ Ý MY năm 2010.
- Giáo trình cắt uốn tóc Trung tâm dạy nghề Sài gòn xuất bản năm 2008.
- Giáo trình cắt uốn tóc Công ty CP sáng tạo mới và đẹp xuất bản năm 2010.
- https://beecost.vn/giao-trinh-noi-mi-co-ban-den-chuyen-sau-p.1__2105568246__88576929
- <https://thitruongsi.com/giao-trinh-noi-mi-uon-mi-co-ban-and-nang-cao-1669080.html>

CHƯƠNG TRÌNH MÔ-ĐUN

Tên mô-đun: Thực tập tốt nghiệp

Mã mô-đun: MĐ 05

Thời gian thực hiện mô-đun: 60 giờ

(Lý thuyết 5 giờ: Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 55 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô-đun:

- Vị trí: Mô-đun Thực tập tốt nghiệp được bố trí học sau cùng của khoá học, trước khi thi tốt nghiệp.

- Tính chất: Mô-đun Thực tập tốt nghiệp là môn học thực tập chuyên môn nghề trong danh mục các môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo sơ cấp nghề trang điểm thẩm mỹ, nhằm nâng cao tay nghề và tìm hiểu các quy trình thực hiện việc chăm sóc sắc đẹp tại các trung tâm chăm sóc sắc đẹp.

II. Mục tiêu mô-đun:

- Kiến thức: Trình bày được mô hình kinh doanh của trung tâm chăm sóc sắc đẹp

- Kỹ năng:

+ Phân tích được mô hình hoạt động của trung tâm chăm sóc sắc đẹp, chiến lược kinh doanh các loại hình dịch vụ;

+ Phân tích được quy trình thực hiện chuyên đề tại TT chăm sóc sắc đẹp

+ Thực hành chuyên đề đạt yêu cầu kỹ thuật

+ Lựa chọn trang thiết bị, dụng cụ, hóa mỹ phẩm phù hợp với từng bước thực hiện quy trình

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tư duy nghề nghiệp, có ý thức tự giác và tích cực tìm hiểu trong quá trình thực tập.

III. Nội dung mô-đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

| Số TT | Tên bài | Thời gian (giờ) | | | |
|-------|---|-----------------|-----------|---|----------|
| | | Tổng số | Lý thuyết | Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập | Kiểm tra |
| 1 | Bài 1. Tìm hiểu mô hình kinh doanh của cơ sở kinh doanh, trung tâm, Công ty | 5 | 5 | | |
| 2 | Bài 2. Thực tập chuyên đề | 50 | | 50 | |
| 3 | Bài 3: Viết báo cáo chuyên đề | 5 | | 5 | |

| | | | | |
|-------------|-----------|----------|-----------|--|
| Cộng | 60 | 5 | 55 | |
|-------------|-----------|----------|-----------|--|

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Tìm hiểu mô hình kinh doanh của cơ sở kinh doanh, *Thời gian: 5 giờ*
 trung tâm, Công ty

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức: Trình bày được mô hình kinh doanh của trung tâm chăm sóc sắc đẹp;
- Kỹ năng: Phân tích được mô hình hoạt động của trung tâm chăm sóc sắc đẹp, chiến lược kinh doanh các loại hình dịch vụ;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chấp hành tốt các nội quy của cửa hàng hoặc học viện

2. Nội dung bài:

2.1. Mô hình hoạt động

2.2. Các dịch vụ

2.3. Chiến lược Marketing

Bài 2. Thực tập chuyên đề

Thời gian: 50 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức: Trình bày quy trình sử dụng thiết bị, dụng cụ, phương pháp thực hiện;
- Kỹ năng: + Thực hành chuyên đề đạt yêu cầu kỹ thuật
 + Lựa chọn trang thiết bị, dụng cụ, hóa mỹ phẩm phù hợp với từng bước thực hiện quy trình
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chấp hành tốt các nội quy, có ý thức tự giác và tích cực tìm hiểu trong quá trình thực tập.

2. Nội dung bài:

2.1. Thiết bị dụng cụ

2.2. Tìm hiểu hóa mỹ phẩm được sử dụng tại nơi thực tập

2.3. Thực tập chuyên đề

Bài 3. Viết báo cáo chuyên đề

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Kiến thức: Trình bày được mô hình hoạt động, các loại dịch vụ tại trung tâm chăm sóc sắc đẹp.
- Kỹ năng:
 + Phân tích được mô hình hoạt động của trung tâm chăm sóc sắc đẹp;
 + Liệt kê được các thiết bị, dụng cụ, hóa mỹ phẩm cần dùng trong quá trình thực tập theo

chuyên đề

+ Phân tích được quy trình thực hiện chuyên đề tại TT chăm sóc sắc đẹp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tư duy nghề nghiệp, có ý thức tự giác và tích cực tìm hiểu trong quá trình thực tập.

2. Nội dung bài

2.1. Tìm hiểu về trung tâm chăm sóc sắc đẹp

- Địa điểm

- Mô hình hoạt động

- Các loại dịch vụ

2.2. Chuyên đề thực tập

- Dụng cụ trang thiết bị

- Hóa mỹ phẩm sử dụng

- Nghiên cứu quy trình thực hiện

2.3. Đề xuất phương án

Kết luận

IV. Điều kiện thực hiện mô-đun:

1. Dụng cụ và trang thiết bị:

- Dựa trên hệ thống thiết bị tại trung tâm chăm sóc sắc đẹp mà học sinh thực tập;

- Bút, sổ ghi chép;

2. Nguyên vật liệu:

Các loại nguyên liệu tại trung tâm chăm sóc da nơi người học thực tập;

3. Học liệu:

- Chương trình mô đun thực tập tốt nghiệp

- Đề cương thực tập;

- Tài liệu kỹ thuật;

- Tài liệu tham khảo;

- Nội quy thực tập.

4. Các nguồn lực khác:

- Các phòng cơ sở, phòng chuyên sâu;

- Trang bị bảo hộ lao động ;

5. Kiến thức kỹ năng đã có:

- Có kỹ năng và vận hành sử dụng thiết bị, dụng cụ;

- Hiểu biết về an toàn lao động vệ sinh dịch tễ;

- Hiểu biết về kiến thức chuyên môn ngành.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung đánh giá:

- Kiến thức: Trình bày được mô hình kinh doanh của trung tâm chăm sóc sắc đẹp mà người học đến thực tập

- Kỹ năng:

+ Thực hành chuyên đề đạt yêu cầu kỹ thuật

+ Lựa chọn trang thiết bị, dụng cụ, hóa mỹ phẩm phù hợp với từng bước thực hiện quy trình

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện tư duy nghề nghiệp, có ý thức tự giác và tích cực tìm hiểu trong quá trình thực tập.

2. Phương pháp:

Đánh giá kết quả TTTN theo thang điểm 10:

- Ý thức, sự phối hợp của người học với cán bộ hướng dẫn và các thành viên nơi đơn vị thực tập: 5 điểm

- Báo cáo chuyên đề: 5

VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun:

1. Phạm vi áp dụng mô-đun:

Chương trình thực tập tốt nghiệp sử dụng để giảng dạy trình độ sơ cấp nghề trang điểm thẩm mỹ.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô-đun:

- Đối với giảng viên:

+ Phối hợp với trung tâm chăm sóc sắc đẹp lập nhóm, hướng dẫn cho người học phương pháp thực tập;

- Đối với trung tâm:

+ Cử cán bộ, nhân viên phối hợp với giáo viên quản lý, hướng dẫn, bố trí cho người học thực tập theo chương trình TTTN.

+ Đánh giá cho điểm đối với người học hoàn thành chương trình TTTN

- Đối với người học:

+ Chấp hành nội quy, quy chế của trung tâm đến thực tập

+ Đảm bảo an toàn cho người và thiết bị tại nơi thực tập

+ Tham gia thực tập 100%

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Bài 2. Thực tập chuyên đề

Bài 3. Viết báo cáo chuyên đề

4. Tài liệu cần tham khảo: